

Bản án số: 71/2021/HC-ST

Ngày: 29- 30/3/2021

*“V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Tôn Thị Xuân Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Đỗ Thị Thái**

Ông Lê Phú Hợp

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Tất Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:** **Ông Nguyễn Trần Thắng** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 116/2020/HCST ngày 31/3/2020 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HC ngày 05/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62 ngày 16/3/2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: **Ông N.V.T**, sinh năm 1954 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Y.N 1, phường L.M, quận B.T.L, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Toàn:

- Ông Nguyễn Phan Hào - Sinh năm 1951.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Trung 6, phường Tây Tựu, quận B.T.L, TP Hà Nội.

- Bà Lê Thị Hiền - Sinh năm 1994

Địa chỉ: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Người bị kiện: **- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (Vắng mặt)**

Địa chỉ: Số 79 Đinh Tiên Hoàng, phường Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Nguyễn Trọng Đông** - Phó Chủ tịch.

- Ủy ban nhân dân quận B.T.L. (vắng mặt)

Địa chỉ: Phố Phú Kiều, phường Phúc Diễn, quận B.T.L, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lưu Ngọc Hà** - Chủ tịch UBND quận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Cao Ngọc Hạnh** – Chuyên viên phòng tài nguyên môi trường UBND Quận B.T.L.(Vắng mặt)

- Chủ tịch UBND quận B.T.L

Địa chỉ: Phố Phú Kiều, phường Phúc Diễn, quận B.T.L, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND phường L.M

Địa chỉ: Phường L.M, quận B.T.L, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đoàn Mạnh Hùng** – Sinh năm 1975

Chức vụ: Phó chủ tịch UBND phường L.M.(vắng mặt)

- Hợp tác xã Y.N

Địa chỉ: Số 101/1 đường L.M, Tổ dân phố Y.N 3, phường L.M, quận B.T.L, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn Chiến** - Giám đốc (Vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị Khánh**

- Chị **Nguyễn Thị Hiền.**

- Anh **Nguyễn Văn Hùng**

- Anh **Nguyễn Văn Dân**

Cùng Địa chỉ: Tổ dân phố Y.N 1, phường L.M, quận B.T.L, Hà Nội. (cùng xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai tại Tòa án, người khởi kiện là ông N.V.T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1981, gia đình ông được HTX Y.N giao diện tích đất nông nghiệp (bao gồm đất cấy lúa, đất trồng màu khu bãi và khu sông cao) để sản xuất theo mô hình kinh tế hộ (có xác nhận của HTX Y.N) với diện tích: 1350 m². Năm 2000, gia đình ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1170 m², bao gồm: + Thửa số 7, tờ bản đồ số 16 có diện tích: 250 m²

+ Thửa số 446, tờ bản đồ số 16 có diện tích: 529 m²

+ Thửa số 148, tờ bản đồ số 15 có diện tích: 391 m²

Diện tích còn lại 180 m² đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20 cũng được giao từ năm 1981 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này gia đình ông sử dụng ổn định từ lúc nhận giao khoán đến nay và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Ngày 11/4/2016, UBND quận B.T.L ra Quyết định số 1335/QĐ- UBND thu hồi 180 m² đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 548 tờ bản đồ số 16 của gia đình bà để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội trên địa bàn phường L.M. Cùng ngày, gia đình ông nhận được Quyết định số 1406/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình bà. Cụ thể : - Bồi thường, hỗ trợ về đất 180m: 36.288.000 đồng. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản : 32.310.842 đồng. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường là : 9.474.842 đồng. Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ nên ông đã làm đơn khiếu nại gửi đến UBND quận B.T.L.

Ngày 29/7/2016, gia đình ông nhận được Quyết định số 3096/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông. Nội dung quyết định này là giữ nguyên Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 và Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình ông.

Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 3096/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L, gia đình đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

Ngày 05/7/2019, sau gần 3 năm, gia đình bà mới nhận được Quyết định số 6911/QĐ-UBND đề ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của gia đình ông. Nội dung quyết định này là đồng ý Quyết định 3096/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết khiếu nại của gia đình ông.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thành phố Hà Nội, gia đình ông đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà

Nội. Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử hủy:

+ Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết.

+ Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu.

+ Quyết định số 6911/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Yêu cầu UBND quận B.T.L ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông số tiền **219.968.085 đồng** (*Hai trăm mười chín triệu chín trăm sáu tám nghìn không trăm tám mươi đồng*).

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử buộc Hội đồng bồi thường quận B.T.L bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông như quy định của pháp luật mà ông đã nêu trong đơn khởi kiện.

Quan điểm của UBND thành phố Hà Nội: Đại diện của UBND thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm đối với vụ án được nêu tại văn bản số 1521/UBND-GPMB ngày 24/4/2020.

Cụ thể: Sau khi kiểm tra, rà soát hồ sơ giải quyết khiếu nại của ông N.V.T, chủ tịch UBND thành phố Hà Nội khẳng định nội dung Quyết định 6911/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về giải quyết khiếu nại của ông N.V.T là đúng quy định của pháp luật. Đến nay, chủ tịch UBND thành phố Hà Nội không có ý kiến gì khác với quan điểm đã thể hiện tại quyết định nêu trên.

Quan điểm của Chủ tịch UBND quận B.T.L và UBND quận B.T.L: Diện tích 180 m đất do hộ gia đình ông N.V.T đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không được giao theo Nghị định 64/CP; Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B.T.L ban hành Quyết định số 1335/QĐ-UBND về việc thu hồi 180 m² đất nông nghiệp không giao và Quyết định số 1406/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông N.V.T đã bồi thường 01 lần giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2, Điều 77, Luật Đất đai năm 2013, không tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông

nghiệp là đúng quy định tại khoản 1, Điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Chủ tịch UBND quận B.T.L đã ban hành Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung đảm bảo quy định của Pháp luật.

Căn cứ quy định pháp luật và từ những phân tích, tổng hợp nêu trên cũng như người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản không cung cấp thêm bất cứ giấy tờ, tài liệu nào khác. Do vậy, UBND quận B.T.L và Chủ tịch UBND quận B.T.L giữ nguyên các quyết định hành chính và các văn bản hành chính đã ban hành đối với hộ gia đình ông N.V.T, địa chỉ Tổ dân phố Y.N 1, phường L.M, B.T.L khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L.M, quận B.T.L.

Để đảm bảo tính nghiêm minh và thượng tôn pháp luật, UBND quận B.T.L kiến nghị Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội nghiên cứu và xét xử vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của UBND phường L.M:

- Trên cơ sở phương án giao đất nông nghiệp tổng thể đã được các cấp phê duyệt, UBND xã L.M (nay là Phường L.M) lập phương án giao đất nông nghiệp chi tiết cho từng hộ gia đình, cá nhân, theo từng Hợp tác xã. Đối với HTX Y.N giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân tính theo bình quân nhân khẩu trong hộ là 258 m²/khẩu.

- Khi thực hiện việc giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, diện tích đất của các hộ gia đình, cá nhân không được đưa vào trong phương án giao đất chi tiết để cân đối giao cho các hộ gia đình, cá nhân.

- Về hiện trạng diện tích đất bị thu hồi của các hộ gia đình, cá nhân:

Hiện trạng các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất để trồng rau, hành, hoa hồng, hoa cúc và cau vua.

- Khi xác nhận nguồn gốc đất cho các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp nằm trong chỉ giới GPMB dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội, UBND phường L.M căn cứ vào hồ sơ địa chính lưu tại UBND phường (Bản đồ

và sổ mục kê đất năm 1994, Phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ lập năm 1999 và hiện trạng các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng).

- Trên địa bàn phường L.M có 03 hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội loại đất tương tự được hỗ trợ X 05 lần giá đất, gồm: Hộ ông Hoàng Văn Mùi, hộ bà Nguyễn Thị Bình, Hộ ông Nguyễn Văn Anh (Loan).

Quan điểm của Hợp tác xã Y.N:

Căn cứ hồ sơ tài liệu còn lưu giữ tại HTX Y.N về việc quản lý sử dụng diện tích đất sản xuất của các hộ gia đình cá nhân trong HTX Hợp tác xã Y.N có ý kiến như sau:

Hộ gia đình ông N.V.T được HTX Y.N giao đất sản xuất nông nghiệp bao gồm cả phần diện tích khu sống cao từ thời điểm khoán 100 năm 1981 theo chỉ thị 100/CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư về việc cải tiến hình thức giao khoán mở rộng đến từng hộ gia đình cá nhân. Tại thời điểm giao đất không có biên bản giao bằng giấy mà giao bằng miệng trực tiếp tại hiện trường và quản lý theo phương án thu sản phẩm một năm hai vụ của hợp tác xã; tuy nhiên do thời gian lâu ngày lên phương án thời điểm đó bị mỗi một xông không còn lưu trữ được. Đến năm 1988, khi thực hiện hình thức khoán 10 theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị thì diện tích sản xuất của hộ ông N.V.T vẫn không thay đổi mà chỉ thay đổi sản lượng giao khoán. Năm 1994, khi lập bản đồ hiện trạng diện tích khu sống cao của hộ ông Toàn được ghi số thửa 141, tờ bản đồ 20, diện tích 180 m².

Năm 1999, khi thực hiện giao đất nông nghiệp theo nghị định 64-NĐ/CP của Chính phủ thì địa phương (hội đồng giao đất xã) chỉ lập phương án cân đối trên giấy tờ chứ không giữ ra giao lại trong đó chỉ cân đối đất lúa hai vụ còn đất trồng màu gồm khu Sống cao và đất bãi ngoài đê trung ương giữ nguyên không đưa vào cân đối. Chính vì vậy toàn bộ diện tích các hộ đang sử dụng gần như không có xáo trộn gì và hầu như người dân không quan tâm đến việc có được cấp giấy chứng nhận hay không vì họ vẫn sản xuất ổn định bình thường, vẫn

giao nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính với HTX từ năm 1981 đến nay.

Vì vậy, HTX Y.N xác nhận hộ ông N.V.T vẫn sản xuất ổn định trên tổng diện tích được giao từ năm 1981 trong đó có phần diện tích khu sống cao thuộc thửa số 141 tờ bản đồ 20 hiện đang thuộc vị trí thu hồi thực hiện dự án khu Công nghệ cao sinh học Hà Nội. Thực hiện đóng, nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước và HTX từ năm 1981 đến nay.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Khánh, ông Nguyễn Văn Dân, ông Nguyễn Văn Hùng, bà Nguyễn Thị Hiền trình bày: Mọi nội dung trong đơn khởi kiện các ông bà hoàn toàn đồng ý như ông N.V.T đã gửi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và xin được vắng mặt ở tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ Điều 3; Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật TTHC, Luật đất đai 2013; Luật tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 xử Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.V.T. Về án phí: ông N.V.T không phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:**

- Về đối tượng khởi kiện : Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 11/4/2016

của UBND quận B.T.L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 6916/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần 2 là các quyết định hành chính bị kiện và quyết định giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

- *Về thời hiệu khởi kiện* : Ngày 05/7/2019, ông mới nhận được Quyết định số 6911/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần 2. Đơn khởi kiện của ông N.V.T đề ngày 22/11/2019, được gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ngày 18/11/2019 là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

- *Về thẩm quyền*: Ngày 02/3/2020, Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của ông N.V.T đối với Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 6911/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần 2. Người bị kiện trong vụ án được xác định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.T.L, Ủy ban nhân dân quận B.T.L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa, những người bị kiện và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt người khởi kiện, người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính:

*Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành và tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Ủy ban nhân dân Quận B.T.L ban hành các Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B.T.L về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông N.V.T để thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội và Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết là đúng pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.T.L ban hành Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6911/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của ông N.V.T là đúng pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại.

Tuy nhiên, cần kiến nghị với Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai về việc gửi Quyết định giải quyết khiếu nại cụ thể: Quyết định giải quyết khiếu nại 6916/QĐ-UBND ban hành ngày 15/12/2016 nhưng đến ngày 22/7/2019 mới giao cho người khiếu nại là vi phạm điều 41 Luật khiếu nại năm 2011.

* Về các nội dung của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Diện tích 180m² (Thuộc thửa số 141 tờ bản đồ số 20 lập năm 1994 được Giám đốc Sở Địa chính ký xác nhận ngày 26/11/1996) hộ gia đình ông N.V.T sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội có nguồn gốc là đất nông nghiệp, hộ gia đình ông N.V.T sử dụng từ khoán 100, khoán 10, nhưng không nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ cho hộ gia đình ông Toàn.

Theo phương án chi tiết giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/NĐ-CP cho hộ gia đình ông N.V.T lưu tại UBND phường L.M thể hiện: số nhân khẩu được giao: 5 khẩu, diện tích được giao: 1.290 m² đất nông nghiệp trong

tổng số 1.170 m đất hộ gia đình đang sử dụng và đã được UBND huyện Từ Liêm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp 1.170 m² (Gồm thửa 7 tờ bản đồ 16, diện tích 250m² và thửa 446 tờ bản đồ 16, diện tích 529 m², thửa 148 tờ bản đồ 15, diện tích 391 m²).

Trên thực tế, ngoài diện tích đất nông nghiệp được giao theo Nghị định số 64/CP nêu trên, hộ gia đình ông Toàn còn sử dụng 180 m² đất nông nghiệp (bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội) từ trước thời điểm thực hiện giao đất theo Nghị định số 64/CP để sản xuất nông nghiệp cho đến khi Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án. Chính quyền địa phương không thực hiện bất kỳ biện pháp gì (thông báo, thu hồi lại, ký hợp đồng thuê thầu...) để quản lý đối với phần diện tích này.

Đối với diện tích 180 m² hộ gia đình ông N.V.T đang sử dụng bị thu hồi tại dự án xây dựng Khu công nghệ cao sinh học trên địa bàn phường L.M là đất nông nghiệp không giao do UBND phường L.M quản lý (không thuộc diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình được giao theo Nghị định 64/NĐ-CP); Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B.T.L ban hành Quyết định số 1406/QĐ-UBND về việc thu hồi 180m² đất nông nghiệp không giao do UBND phường L.M quản lý, hiện hộ gia đình ông N.V.T đang sử dụng là đúng quy định.

Tại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông N.V.T đã tính bồi thường về đất theo giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013, không được tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Vì vậy, ông N.V.T đề nghị được bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp đối với phần diện tích 180 m² đất nông nghiệp hộ gia đình đang sử dụng là không có cơ sở.

Theo phiếu xác nhận bổ sung ngày 04/6/2015 của UBND phường L.M, hộ gia đình ông N.V.T xây dựng công trình trên diện tích đất bị thu hồi để phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND xã L.M; Do đó, được hỗ trợ về công trình bằng 80% mức bồi thường đơn giá đối với công trình xây dựng trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ 10% đối với công trình xây dựng sau

ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 14 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND thành phố Hà Nội.

Tuy nhiên, ngày 27/6/2016, UBND phường L.M có văn bản số 205/UBND-ĐC đề nghị UBND Quận xem xét bồi thường, hỗ trợ phần công trình trên đất nông nghiệp cho các hộ gia đình với nội dung: *“UBND xã L.M trước đây (nay là UBND phường L.M) tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp được xây dựng một số công trình phụ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp không lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và trật tự xây dựng gồm các công trình: bể phân; giếng khoan; nhà lưới ni lông, khung tre; hàng rào lưới B40; tường rào xây gạch, nhà tạm để dụng cụ sản xuất nông nghiệp và trông nom tài sản”*. Như vậy, các công trình xây dựng của hộ gia đình ông N.V.T phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường L.M song đã được UBND phường L.M tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý; Do đó, cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 12 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng. Và tại Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu đã quyết định bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng cho hộ gia đình ông N.V.T.

Như vậy, Hội đồng xét xử xác định diện tích 180m² đất do hộ gia đình ông N.V.T đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không được giao theo Nghị định 64/CP; Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B.T.L ban hành Quyết định số 1335/QĐ-UBND về việc thu hồi 180 m² đất nông nghiệp và Quyết định số 1406/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông N.V.T đã bồi thường 01 lần giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2, Điều 77, Luật Đất đai năm 2013, không tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1, Điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Chủ tịch UBND quận B.T.L đã ban hành Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân

thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6911/QĐ-UBND là ngày 15/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông N.V.T là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung đảm bảo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, ông N.V.T trình bày một số hộ dân ở phường L.M, phường Tây Tựu bị thu hồi đất để thực hiện dự án có diện tích như gia đình bà bị thu hồi nhưng không được bồi thường, hỗ trợ nghề và tìm kiếm việc làm. Các hộ dân đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ điều 74, điều 75 Luật đất đai 2013 và điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai xử hủy quyết định và chấp nhận phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp và Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên các bản án này Tòa án nhân dân cấp cao đã xử Giám đốc thẩm và quyết định hủy toàn bộ các Bản án sơ thẩm nói trên để xét xử lại theo thẩm quyền. Mặt khác, tại thời điểm hộ gia đình ông Toàn bị thu hồi đất là vào năm 2016 khi đó Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 chưa có hiệu lực pháp luật (có hiệu lực từ ngày 03/3/2017). Tại Điều 5 của Nghị định có quy định về Điều khoản chuyển tiếp như sau: *“Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Nghị định này”*. Như vậy, trường hợp của hộ gia đình ông Toàn không được áp dụng các quy định của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 để được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp

Do các Quyết định nói trên đều đúng pháp luật và đã đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình ông N.V.T nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông Toàn về việc buộc UBND quận B.T.L ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông Toàn số tiền **219.968.085 đồng** (*Hai trăm mười chín triệu chín trăm sáu tám nghìn không trăm tám mươi đồng*).

Từ phân tích, nhận định và đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy có không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Toàn. Do vậy, căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính xử bác các yêu cầu khởi kiện của ông N.V.T.

***Về án phí:** Yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông N.V.T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính và Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông N.V.T là Người cao tuổi nên được miễn án phí.

***Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Luận cứ và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ nhận định trên,

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; Khoản 1, Điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 88 và khoản 1, 2 Điều 89 Luật Đất đai năm 2013; Điều 31, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; khoản 1,3 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và điểm a khoản 1 Điều 12 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Bác các yêu cầu khởi kiện của ông N.V.T về việc yêu cầu hủy:

+ Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết.

+ Quyết định số 3096/QĐ -UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu.

+ Quyết định số 6911/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm: ông N.V.T không phải chịu án phí.

3/ Ông N.V.T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ/ VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tôn Thị Xuân Thủy